
REQUEST FOR PROPOSAL

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Ref: VAPCO/PS-50236

To: Potential Bidders

Copy to:

Subject: Supply of lubricants for heavy equipment/ Cung cấp dầu mỡ nhờn cho thiết bị cơ giới

Date: 21 May 2026/ Ngày 21/05/2026

1. INSTRUCTIONS TO THE PARTICIPATING BIDDERS

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI CÁC NHÀ THẦU THAM GIA

1.1. General information

Thông tin chung

Vung Ang II Thermal Power LLC (VAPCO), the Owner of 2 x 600MW ultra super-critical imported coal-fired thermal Power Plant in Vung Ang Economic Zone, Vung Ang Ward, Ha Tinh Province, Vietnam that is being undertaken on a build-operate-transfer basis under Vietnam law, issuing this Request for Proposal (RFP) to invite bidders, who are interested in contracting with VAPCO for the **supply of lubricants for heavy equipment** as detailed in Annex 01.

Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II (VAPCO), Chủ đầu tư Nhà máy Nhiệt điện đốt than nhập khẩu trên siêu tới hạn với công suất 2 x 600MW tại Khu Kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam đang thực hiện dự án xây dựng-kinh doanh-chuyển giao theo pháp luật Việt Nam, ban hành Thư mời chào giá (RFP) này để mời các Nhà thầu quan tâm đến việc ký hợp đồng với VAPCO để **cung cấp dầu mỡ nhờn cho thiết bị cơ giới** với mô tả chi tiết như ở Phụ Lục 01.

The required materials must be delivered before September 2026.

Hàng hóa phải được giao trước tháng 9/2026.

1.2. Compliance with RFP requirements

Tuân thủ các yêu cầu của Thư mời chào giá

The participating bidders shall prepare and submit a Proposal in compliance with the procedures and requirements as outlined in this RFP. Any omission may give VAPCO a reason to reject or unfavorable evaluation of the Proposal. The participating bidders

will be deemed to have fully understood and accepted all the contents of the RFP. Upon submission of a Proposal, the bidders are deemed to have agreed to fully comply with the Contract's General Terms and Conditions as attached to the RFP.

Các bên tham gia sẽ chuẩn bị và nộp Bản chào tuân thủ các quy trình và yêu cầu như được quy định trong Thư mời chào giá này. Bất kỳ sự sai sót nào có thể khiến VAPCO có lý do từ chối hoặc đánh giá bất lợi cho báo giá. Các bên tham gia sẽ được coi là đã hiểu hoàn toàn và chấp nhận tất cả các nội dung trong Thư mời chào giá. Sau khi nộp Bản chào, khi đó nhà cung cấp được coi là đã đồng ý tuân thủ đầy đủ các Điều khoản và Điều kiện chính của Hợp đồng như được đính kèm trong Thư mời chào giá.

1.3. Confidentiality

Bảo mật

The prices in the Proposal must be issued independently, and not be consulted, communicated, or negotiated with any other bidder.

Các giá trong Bản chào của nhà cung cấp phải được chào độc lập, không được tham khảo, liên lạc hoặc thỏa thuận với bất kỳ nhà thầu nào khác.

The prices stated in the Proposal have not been intentionally disclosed by the supplier and will not be knowingly disclosed, directly or indirectly, to any other participant before the Proposal submission deadline. Furthermore, these prices have not been used, and will not be used, to influence or induce any other person or company to submit, refrain from submitting, or otherwise restrict competition in any way.

Các mức giá nêu trong Bản chào chưa từng được nhà cung cấp cố ý tiết lộ và sẽ không được tiết lộ có chủ đích, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho bất kỳ bên tham gia nào khác trước thời hạn nộp Bản chào. Hơn nữa, các mức giá này chưa từng và sẽ không được sử dụng để tác động hoặc lôi kéo bất kỳ cá nhân hay công ty nào nộp, không nộp hồ sơ hoặc hạn chế cạnh tranh dưới bất kỳ hình thức nào.

Participating bidders must not disclose the RFP to any third parties who are not directly involved in the preparation of the Proposal.

Những người tham gia không được tiết lộ Thư mời chào giá cho bất kỳ bên thứ ba nào không liên quan trực tiếp đến việc làm báo giá.

1.4. Withdrawal of procurement

Thu hồi yêu cầu mua sắm

VAPCO reserves the right, at any time and without any liability to the participants, to cancel, delay or extend this procedure or to change the scope of the procurement.

VAPCO có quyền, bất cứ lúc nào và không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với các bên tham gia, trong việc hủy bỏ, trì hoãn hoặc gia hạn thủ tục này hoặc thay đổi phạm vi mua sắm.

1.5. Language

Ngôn ngữ

The documents shall be prepared in English and Vietnamese. If there is any difference or inconsistency between English and Vietnamese, the English language shall prevail.

Các tài liệu được chuẩn bị bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Nếu có bất kỳ sự khác biệt hoặc mâu thuẫn nào giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Anh sẽ được áp dụng.

1.6. Currency and Payment

Tiền tệ và thanh toán

The price shall be quoted in Vietnamese Dong, exclusive of VAT.

Giá được chào giá bằng đồng Việt Nam, chưa bao gồm thuế GTGT.

Payment shall be made in Vietnamese Dong.

Thanh toán được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

2. PROCEDURES FOR RFP

THỦ TỤC MỜI CHÀO GIÁ

2.1. Clarification of bidding information

Làm rõ thông tin mời thầu

The participating bidders are requested to study and carefully check the contents of the bidding information and other relevant information. The bidders may send an email to VAPCO's PIC: Mr. Pham Ngoc Thach, at thach.pham@vapco.com.vn (copying: Mr. Jong Woo Ha, at jeff.ha@vapco.com.vn) or an official letter to VAPCO regarding the unclear contents at least 2 days before the due date of letter of Proposal submission. Written clarifications or feedback via email (as the case may be) will be provided by VAPCO no later than 1 day before the due date of Proposal submission.

Nhà thầu tham gia được yêu cầu nghiên cứu và kiểm tra kỹ lưỡng nội dung của thông tin mời thầu và các thông tin liên quan khác. Các Nhà thầu có thể gửi email cho VAPCO: Ông Phạm Ngọc Thạch theo địa chỉ thach.pham@vapco.com.vn (CC cho ông Jong Woo Ha tại jeff.ha@vapco.com.vn) hoặc thư chính thức đến VAPCO về các nội dung không rõ ít nhất 2 ngày trước ngày hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Giải thích bằng văn bản hoặc phản hồi bằng email (tùy trường hợp cụ thể) sẽ được VAPCO cung cấp không muộn hơn 1 ngày hết hạn nộp bản chào.

At any time, before 3 days before the due date of Proposal submission, VAPCO has the right to amend or add to the bidding information. The amendment or supplement shall be communicated in writing to all participating bidders and the bidders shall be obliged to comply with such addition or amendment.

Vào bất kỳ thời điểm nào trước khi hết hạn nộp hồ sơ chào giá 3 ngày. VAPCO có quyền sửa đổi, bổ sung thông tin mời thầu. Việc sửa đổi, bổ sung sẽ được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu tham gia và các nhà thầu có nghĩa vụ tuân thủ việc bổ sung, sửa đổi đó.

2.2. Submission of Proposal

Nộp Bản chào

Each bidder will finalize and fill out the form given in Item 4.

Mỗi nhà thầu tham gia sẽ hoàn thiện và điền vào biểu mẫu tại Mục 4.

Bidders are required to submit supporting documents for each Technical Evaluation Criteria as follows:

- Business registration and financial statements for 2023-2025
- Reference contracts for supply of lubricants to thermal power plants
- Technical proposal fully compliant with the technical requirements stated in the Scope of Supply
- Documentation to prove that the bidder have presence in Vung Ang area with either permanent office, warehouse, or branch
- Confirmation of delivery timeline aligning with RFP requirements, to specify delivery time for each item

Các nhà thầu phải nộp các giấy tờ chứng minh đối với từng tiêu chí đánh giá kỹ thuật như sau:

- Đăng ký kinh doanh và Báo cáo tài chính cho giai đoạn 2023-2025
- Các hợp đồng tương tự về việc cung cấp dầu mỡ nhờn cho các nhà máy nhiệt điện
- Đề xuất kỹ thuật tuân thủ đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật được nêu trong Phạm vi cung cấp
- Tài liệu chứng minh nhà thầu hoạt động tại khu vực Vũng Áng như là văn phòng, nhà kho hoặc là chi nhánh
- Thư xác nhận tiến độ giao hàng phù hợp với yêu cầu của Thư mời chào giá, đề nghị làm rõ thời gian giao hàng của từng mục

Bidders are required to attach a Letter of Confirmation that by submitting the Proposal, they have understood and accepted all major terms and conditions of Part III- Key Terms and Conditions, Annex 01- Scope of Supply and Technical Specifications, and Annex 03- Contract Form of this RFP.

Các nhà thầu phải đính kèm Thư xác nhận rằng bằng việc nộp Thư chào giá, họ đã hiểu và chấp nhận các điều kiện và điều khoản chính của Phần III- Điều kiện và Điều khoản chính, Phụ lục 01- Mô tả công việc và Phụ lục 03- Mẫu hợp đồng.

The Proposal Form and other documents shall be submitted by email to the following address no later than the deadline to:

Bản chào sẽ được gửi bằng Email đến địa chỉ sau không muộn hơn thời hạn:

Mr. Pham Ngoc Thach / Procurement & Contract Leader,

Vung Ang II Thermal Power LLC,

Address : Vung Ang Economic Zone, Vung Ang Ward, Ha Tinh Province,

Email: thach.pham@vapco.com.vn, Phone No: 0986040681,

Copying: Mr. Jong Woo Ha, GA & Contract Manager,

Email: jeff.ha@vapco.com.vn

The Proposal Form will be encrypted to ensure that it won't be opened before the time specified in Item 3 below.

Bản chào giá sẽ được mã hóa nhằm đảm bảo không được mở trước thời gian quy định trong Điều 3 sau đây.

Email subject: The bidders are kindly requested to clearly state the bidding package's name and the bidder's name (e.g.: "Proposal for supply of ... / "Bidder's name").

Tiêu đề thư: Nhà thầu ghi rõ tên gói thầu và tên nhà thầu (ví dụ: "Bản chào cho việc cung cấp .../ "Tên nhà thầu").

(The bidder may contact Mr. Pham Ngoc Thach for confirmation of the sent email/Nhà thầu có thể liên hệ với Ông Phạm Ngọc Thạch để xác nhận email đã gửi thành công).

2.3. Deadline for submission of the Proposal

Thời hạn nộp bản chào giá:

The due date for Proposal submission is 17:00, 29 May 2026.

Ngày hết hạn nộp bản chào giá: 17:00, ngày 29/05/2026.

The bidder will share the password to open the pdf file of the Proposal Form via email by 09:00, 01 June 2026.

Nhà thầu sẽ gửi mật khẩu để mở Bản chào giá qua email vào 9:00 ngày 01/06/2026.

2.4. Validity period

Thời hạn hiệu lực

The Proposal shall be offered and valid for **60** days from the due date of Proposal document submission. VAPCO may request to extend the validity time of the Proposal and notify it in writing. The extension time shall not exceed 15 days. If the bidder fails to accept the extension of the validity time, its Proposal will not be considered for evaluation.

Chào giá được đưa ra và có hiệu lực trong vòng **60** ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ chào giá. VAPCO có thể yêu cầu gia hạn thời gian hiệu lực của chào giá và thông báo bằng văn bản, thời gian gia hạn sẽ không vượt quá 15 ngày. Trường hợp nhà thầu tham gia không chấp nhận gia hạn thời gian hiệu lực thì chào giá đó sẽ không được xem xét để đánh giá.

2.5. Bid evaluation and award criteria

Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn

Proposal evaluation

Đánh giá Bản chào

The bidders' Proposal will be considered and evaluated when they fully meet the above criteria, and the document is submitted as prescribed in Item 2.2 before the deadline or subject to VAPCO's decision.

Bản chào của Nhà thầu chỉ được xem xét đánh giá khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí nêu trên và nộp bộ hồ sơ như quy định tại Mục 2.2 trước thời điểm đóng thầu hoặc theo quyết định của VAPCO.

- Technical evaluation

Đánh giá về kỹ thuật

- Financial evaluation:

Đánh giá về tài chính

The bidder with the highest combined score from both technical and financial evaluations will be selected as the preferred bidder and invited to enter the contract negotiation stage.

Nhà thầu nào đạt được tổng điểm cao nhất kết hợp giữa đánh giá kỹ thuật và tài chính sẽ được chọn vào giai đoạn thương thảo hợp đồng.

- Award Criteria

Tiêu chí lựa chọn

VAPCO will award the Contract to the bidder with the highest combined score from both technical and financial evaluations and favourable terms after negotiation.

VAPCO sẽ ký hợp đồng với Nhà thầu đạt được tổng điểm cao nhất kết hợp giữa đánh giá kỹ thuật và tài chính và các điều khoản phù hợp nhất sau khi đàm phán.

VAPCO has the right to adjust the Scope of Supply at its discretion.

VAPCO có thể điều chỉnh Phạm vi Cung cấp theo quyền quyết định của mình.

2.6. Announcement of evaluation result

Thông báo kết quả đánh giá

The evaluation result shall be announced to the participants after the decision on approval of the result is available. In the notice of the evaluation result, VAPCO is not obligated to explain the reasons for the unsuccessful bidders.

Kết quả đánh giá được thông báo cho các bên tham gia sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đánh giá cuối cùng. Trong thông báo kết quả đánh giá, VAPCO không có nghĩa vụ giải thích lý do đối với các nhà thầu không được lựa chọn.

2.7. VAPCO's option

Tùy chọn của VAPCO

VAPCO reserves the right, without any liability to the parties, to modify or withdraw this RFP at any time, to increase or decrease the Scope of Supply included in the Contract or request to restart the procedure when deemed valid is of the greatest interest to VAPCO and rejects any or all the Proposals. No claim regarding any modification, withdrawal, or restart of the process will be accepted by VAPCO. VAPCO also has the option to award the Contract to an acceptable participant, whichever is in the best interest of the company.

VAPCO bảo lưu quyền, mà không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với các bên tham gia, sửa đổi hoặc rút lại Yêu cầu chào giá này bất cứ lúc nào, để tăng hoặc giảm phạm vi công việc được đưa vào Hợp đồng hoặc yêu cầu khởi động lại thủ tục khi được coi là hợp lệ được VAPCO quan tâm nhất và từ chối bất kỳ hoặc tất cả các đề xuất. Không có yêu cầu bồi thường liên quan đến bất kỳ sửa đổi, rút lui hoặc khởi động lại quá trình sẽ được VAPCO chấp nhận. VAPCO cũng có tùy chọn để trao hợp đồng cho bên tham gia chấp nhận được, tùy theo điều kiện nào là tốt nhất cho lợi ích của công ty.

2.8. Compliance in bidding

Tuân thủ trong đấu thầu

The bidders must comply with the provisions of the law on anti-corruption, anti-bribery, and anti-monopoly and commit to bidding standards to ensure healthy competition, fairness, and transparency.

Các nhà thầu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng,

chống hối lộ, chống độc quyền và cam kết các tiêu chuẩn đấu thầu đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, công bằng và minh bạch.

3. KEY TERMS AND CONDITIONS

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHÍNH

3.1. Contract term

Thời hạn Hợp đồng

The Contract shall come into effect upon signing and shall remain in force until both parties have fulfilled their contractual obligations.

Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ có hiệu lực cho đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng

3.2. Contract price

Giá trị Hợp đồng

The Contract price is based on a fixed-unit price.

Giá trị Hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cố định.

3.3. Payment

Thanh toán

Total payment will be made within 30 days from the date of receiving the valid payment documents as outlined in the Contract Form, or subject to contract negotiations.

Thanh toán trọn gói sẽ được thực hiện trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chứng từ thanh toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng, hoặc theo thỏa thuận đàm phán hợp đồng.

4. PROPOSAL FORM

MẪU BÀN CHÀO GIÁ

Bidders are encouraged to submit their Proposals using the following form as per Annex 02.

Nhà thầu được khuyến nghị nộp bản chào theo mẫu ở Phụ Lục 02 sau đây.

ANNEX 01_ SCOPE OF SUPPLY AND TECHNICAL SPECIFICATIONS/

PHỤ LỤC 01_ PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
1	Komatsu AXO80	Specification of Komatsu AXO80: SAE Viscosity Grade: 5W30. Cold Viscosity (ASTM D97): At -20 °C: Below 4000 mPa·s {cP}. At -30 °C: Below 60000 mPa·s {cP}. Kinematic Viscosity (ASTM D445): At 40 °C: 57.0 mm ² /s. At 100 °C: 9.6 mm ² /s. Viscosity Index (ASTM D2270): 154. Color (ASTM D1500): 5.5. Density @ 15 °C: 0.886 g/cm ³ . Flash Point (COC) (ASTM D92): 210 °C. Pour Point (ASTM D97): Below -40 °C. Coefficient of Friction (KES 07.802): Pass (Micro-clutch test).	20 Liter/Pail	600	Liter	30	Pail
2	Komatsu Engine oil EO15W40-DH	Specification of Komatsu Engine oil EO15W40-DH: Physical state: Liquid. Colour: Amber. Oily. Odour: Mild. Flash point: 232 °C (Open cup) Cleveland. 205 °C (Closed cup) Pensky-Martens. Vapour pressure: Not available. Vapour density: Not available.	209 Liter/Drum	1254	Liter	6	Drum

Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
		Viscosity: Kinematic: 104 mm ² /s (104 cSt) at 40 °C. Kinematic: 14.1 mm ² /s (14.1 cSt) at 100 °C. pH: Not available. Boiling point / range: Not available. Melting point / range: Not available. Pour point: -36 °C. Relative density/Specific gravity: Not available. Density: 885 kg/m ³ (0.885 g/cm ³) at 15 °C. Solubility: Insoluble in water.					
3	Komatsu Power train oil TO10	Specification of Komatsu Power train oil TO10: SAE Viscosity Grade: 10W. Kinematic Viscosity (ASTM D445): At 40 °C: 36.0 mm ² /s. At 100 °C: 5.9 mm ² /s. Viscosity Index (ASTM D2270): 107. Dynamic Viscosity (ASTM D2602): At -20 °C: — At -25 °C: 5400 mPa·s. Total Acid Number (ASTM D2896): 10.0 mgKOH/g. Sulphated Ash (ASTM D874): 1.36 %. Density @ 15 °C (ASTM D4052): 880 kg/cm ³ Flash Point (COC) (ASTM D93): 226 °C. Pour Point (ASTM D97): -37.5 °C.	209 Liter/Drum	1463	Liter	7	Drum
4	Komatsu Power train oil TO30	Specification of Komatsu Power train oil TO30: SAE Viscosity Grade: 30. Kinematic Viscosity (ASTM D445):	209 Liter/Drum	836	Liter	4	Drum

Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
		At 40 °C: 100 mm ² /s. At 100 °C: 11 mm ² /s. Viscosity Index (ASTM D2270): 98. Total Acid Number (ASTM D2896): 10.0 mgKOH/g. Sulphated Ash (ASTM D874): 1.36 %. Density @ 15 °C (ASTM D4052): 890 kg/cm ³ Flash Point (COC) (ASTM D93): 250 °C. Pour Point (ASTM D97): -25 °C.					
5	Komatsu Supercoolant AF-NAC (Density 50/50 Pre-Diluted)	Specification of Komatsu Supercoolant AF-NAC (Density 50/50 Pre-Diluted): Boiling Point: Higher than 226 F. Melting Point: Lower than -34 F. Vapor Pressure: Not determined. Density (20C): 1.08 g/cm ³ . Vapor Density (AIR = 1): Not determined. pH (Original): 8.3. Solubility in Water: Infinite miscibility. Appearance and Color: Clear, slightly viscous, blue liquid. Flash point: None	200 Liter/Drum	400	Liter	2	Drum
6	Shell Gadus S2 V220AD 2	Specification of Shell Gadus S2 V220AD 2: NLGI Consistency: 2. Colour: Black. Thickener Type: Lithium/Calcium. Base Oil Type: Mineral. Kinematic Viscosity (IP 71 / ASTM D445): At 40 °C: 220 cSt. At 100 °C: 18 cSt.	18 Kg/Pail	36	Kg	2	Pail



Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
		Cone Penetration, Worked (IP 50 / ASTM D217): At 25 °C: 265-295 (0.1 mm). Dropping Point (IP 396): 175 °C. Four-Ball Weld Load (IP 239): 315 to 400 Kg. Solid Additives: min 3%wt.					
7	Shell Spirax S2 A 80W-90	Specification of Shell Spirax S2 A 80W-90: SAE Viscosity Grade (SAE J 306): 80W-90. Kinematic Viscosity (ISO 3104): At 40 °C: 146 mm ² /s. At 100 °C: 14.7 mm ² /s. Viscosity Index (ISO 2909): 100. Density @ 15 °C (ISO 12185): 904 kg/m ³ . Flash Point (COC) (ISO 2592): 175 °C. Pour Point (ISO 3016): -27 °C.	20 Liter/Pail	140	Liter	7	Pail
8	Shell Spirax S2 A 85W-140	Specification of Shell Spirax S2 A 85W-140: SAE Viscosity Grade (SAE J 306): 85W-140. Kinematic Viscosity (ISO 3104): At 40 °C: 358 mm ² /s. At 100 °C: 25.6 mm ² /s. Viscosity Index (ISO 2909): 94 Density @ 15 °C (ISO 12185): 908 kg/m ³ . Flash Point (COC) (ISO 2592): 215 °C. Pour Point (ISO 3016): -15 °C.	20 Liter/Pail	60	Liter	3	Pail
9	Shell Spirax S4 CX 10W	Specification of Shell Spirax S4 CX 10W: SAE Viscosity Grade (SAE J 300): 10W. Kinematic Viscosity (ISO 3104): At 40 °C: 36 mm ² /s.	20 Liter/Pail	40	Liter	2	Pail

Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
		At 100 °C: 6 mm ² /s. Density @ 15 °C (ISO 12185): 884 kg/m ³ . Flash Point (COC) (ISO 2592): 200 °C. Pour Point (ISO 3016): -36 °C.					
10	Shell Tellus S2 MX 46	Specification of Shell Tellus S2 MX 46: ISO Fluid Type: HM Kinematic Viscosity: @32°F: 580 cSt (ASTM D445) @104°F: 46 cSt (ASTM D445) @212°F: 6.9 cSt (ASTM D445) Viscosity Index: 105 (ISO 2909) Density: @15°C: 0.856 kg/l (ISO 12185) Flash Point (COC): 446°F (ISO 2592) Pour Point: -22°F (ISO 3016) Colour: L0.5 (ASTM D1500) Water Separation: 20 minutes (ASTM D1401) TOST Life: 5000 hours minimum (ASTM D943)	209 Liter/Drum	1254	Liter	6	Drum
11	Sinopec L-DAB 150	Specification of Sinopec L-DAB 150: ISO Viscosity Grade: 150 Kinematic Viscosity (ASTM D 445):cSt @ 40°C: 146.6.cSt @ 100°C: 14.36. Viscosity Index (ASTM D 2270): 95 Aging Characteristics (200°C, air, \$Fe_2O_3\$) (ISO 6617): +Evaporation loss, %: 3.51 +Conradson carbon residue increase, %: 1.93 Foaming Characteristics, Sequence 1 (ASTM D 892): 50/0. Neutralisation Number (ASTM D 664): 0.59 mg KOH/g.Rust	200 Liter/Drum	200	Liter	1	Drum

Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
		Prevention, Distilled Water (ASTM D 665): Pass. Copper Corrosion, 3 hours @ 100°C (ASTM D 130): 1b Sulfated Ash (ASTM D 874): 0.12 wt% Pour Point (ASTM D 97): -7 °C Flash Point (COC) (ASTM D 92): 258 °C Density @ 15°C (ASTM D 4052): 0.885 kg/l					
12	Shell Corena S3 R46	Specification of Shell Corena S3 R46: ISO Viscosity Grade (ISO 3448): 46 Kinematic Viscosity (ASTM D445): At 40 °C: 46 mm²/s At 100 °C: 6.9 mm²/s Viscosity Index (ISO 2909): 105 Density @ 15 °C (ASTM D1298): 868 kg/m³ Flash Point (COC) (ASTM D92): 230 °C Air Release (ASTM D3427): 3 minutes RPVOT (ASTM D2272): 700 minutes FZG Test (CEC-L-07-A-95): 11 LS Fail Pour Point (ASTM D97): -30 °C Water Separability @ 54 °C (ASTM D1401): 15 minutes	209 Liter/Drum	209	Liter	1	Drum
13	Loctite LB N1000	Specification of Loctite LB N1000: Technology: Anti-seize Chemical type: Copper-based Appearance: Copper colored paste Components: One component - requires no mixing Specific gravity @ 25°C: 1.14 to 1.24. Unworked penetration, ISO 2137, 1/10mm: 330 to 375. Weight per gallon, lbs/gal: 9.5 to 10.1.	1 Kg/Pail	2	Kg	2	Pail

Vung Ang II Thermal Power LLC



Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
14	Ingersoll Rand Ultra Coolant	Specifications of Ingersoll Rand Ultra Coolant: Appearance: Liquid. Physical state: Liquid. Color: Brown Odor: Mild Odor Threshold: No test data available pH: 8 - 10 ASTM E70 (16% in water/methanol, 1:10) Melting point/range: Not applicable to liquids Freezing point: See Pour Point Boiling point (760 mmHg): > 200 °C (> 392 °F) Calculated. Flash point: closed cup 210 °C (410 °F) ASTM D 93 Evaporation Rate (Butyl Acetate = 1): No test data available Flammability (solid, gas): Not Applicable Lower explosion limit: No test data available Upper explosion limit: No test data available Vapor Pressure: < 0.01 mmHg at 20 °C (68 °F) ASTM E1719 Relative Vapor Density (air = 1): No test data available Relative Density (water = 1): 0.9901 at 25 °C (77 °F) / 25 °C ASTM D891 Water solubility: < 0.1 % at 20 °C (68 °F) Measured Partition coefficient: n-octanol/water: No data available Auto-ignition temperature: 388 °C (730 °F) ASTM E659 Decomposition temperature: No test data available	20 Liter/Pail	160	Liter	8	Pail



Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
 Room 3011, Floor 30,
 West Tower, Lotte Center
 Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
 Vo Ward, Hanoi, Vietnam
 Tel. +84 (0) 24 7109 8799
 Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
 Vung Ang Economic Zone,
 Vung Ang Ward,
 Ha Tinh Province, Vietnam
 Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No.	Trade Name	Specifications	Packaging specifications	Purchase quantity	Unit	Purchase quantity (Package)	Package Unit
		Kinematic Viscosity: 49.7 - 56.4 cSt at 37.8 °C (100.0 °F) ASTM D 445 Explosive properties: No data available Oxidizing properties: No data available Liquid Density: 0.9872 g/cm3 at 25 °C (77 °F) ASTM D941 Pour point: -28.9 °C (-20.0 °F) ASTM D97					
15	Shell Omala S2 GX 68	Specifications of Shell Omala S2 GX 68: Kinematic Viscosity @40°C: ISO 3104, mm²/s, 68 Kinematic Viscosity @100°C: ISO 3104, mm²/s, 8.7 Viscosity Index: ISO 2909, -, 100 Flash Point COC: ISO 2592, °C, >230 Pour Point: ISO 3016, °C, -27 Density @15°C: ISO 12185, Kg/m³, 885	209 Liter/Drum	209	Liter	1	Drum

ANNEX 02_ PROPOSAL FORM

PHỤ LỤC 02_ BIỂU MẪU BÀN CHÀO GIÁ

(Company letterhead/Tiêu đề công ty)

Date/ Ngày tháng:

To: **VUNG ANG II THERMAL POWER LLC (VAPCO)**

Kính gửi: CÔNG TY TNHH NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG II (VAPCO)

Attn: Mr. Pham Ngoc Thach, Procurement & Contract Leader

Attn: Mr. Jong Woo Ha – GA & Contract Manager

We, _____(your company name)_____, undersigned, hereby offer to supply of lubricants for heavy equipment to Vung Ang II Thermal Power LLC in compliance with VAPCO's RFP #VAPCO/PS-50236 dated 21 May 2026.

Chúng tôi, _____(tên đơn vị)_____, ký tên dưới đây, chào giá cho việc cung cấp dầu mỡ nhờn cho thiết bị cơ giới cho Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II tuân thủ Yêu cầu chào giá của VAPCO số VAPCO/PS-50236 ngày 21/05/2026.

No. Số	Items Hạng mục	Quantity Số lượng	Delivery date Ngày giao hàng	Unit price Đơn giá (VND)	Total price Tổng giá (VND)
1					
2					
3					
4					
Total Price (excluding VAT)/ Tổng Giá trị (chưa bao gồm VAT)					

1. Terms and conditions/ Các điều khoản và điều kiện:

The price is exclusive VAT but inclusive of all applicable taxes, duties or other applicable expenses.

Giá chưa bao gồm thuế GTGT nhưng đã bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí liên quan khác.

Total payment will be made within 30 days of receiving the valid payment documents as outlined in the Contract Form.



Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office

Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office

Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

Thanh toán trọn gói sẽ được thực hiện trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chứng từ thanh toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng.

2. Contact Person/ **Đầu mối liên hệ:**

Contact person :	Position
Đầu mối liên hệ:	Chức danh
Telephone :	Email:
Số điện thoại:	Email:

Legal representative of Bidder

Người đại diện pháp lý của Nhà thầu

[Full name, position, signature and seal

[Họ tên, chức vụ, chữ ký và con dấu]



Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office

Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office

Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

ANNEX 03_ CONTRACT FORM

PHỤ LỤC 03_ MẪU HỢP ĐỒNG

(from the next page/ từ trang sau)